

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NH
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:33/2023/HNGĐ - ST
Ngày 28/7/2023.
(V/v:ly hôn, tranh chấp nuôi con)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Phiêu, ông Hà Quang Văn.

Thư ký phiên toà: ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nh, tỉnh N.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Nh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2023/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thùy L, sinh năm 1994, tên gọi khác: Không.

Trú tại: thôn Đ, xã L, huyện Nh, tỉnh N.

Bị đơn: anh Nguyễn Công Tr, sinh năm 1988, tên gọi khác: Không.

Trú tại: thôn Đ, xã L, huyện Nh, tỉnh N.

Chị L vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt, anh Tr vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2023 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thùy L trình bày: tôi và anh Nguyễn Công Tr được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện Nh vào ngày 01/11/2017. Sau khi kết hôn chúng tôi ra H làm ăn. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 3 năm, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy vợ chồng thường xuyên có va chạm, cãi nhau mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể khắc phục. Đến khoảng tháng 5/2022 thì vợ chồng lại có va chạm nên tôi đã về quê ở H, tỉnh Th sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân nhau cho đến nay, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau nữa. Đến nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi đã đến mức thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nh giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Công Tr.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung, là cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ sinh ngày 20/4/2021. Khi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ và yêu cầu anh Tr phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo luật định

Về tài sản và công nợ chung: tôi không không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/5/2023 anh Nguyễn Công Tr trình bày: tôi và chị L được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã L, huyện Nh đúng như chị L đã trình bày nêu trên. Sau khi kết hôn chúng tôi lên Hà Nội sinh sống làm ăn lao động tự do. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc trong thời gian được khoảng một đến hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Đến tháng 11 năm 2022 vợ chồng lại có va chạm mâu thuẫn nặng nên đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Anh Tr thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đồng ý ly hôn với chị L. Sau đó Tòa án đã giao hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng, anh Tr đã không đến làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Về con chung: anh Nguyễn Công Tr cũng khai: chúng tôi có 01 con chung, là cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ sinh ngày 20/4/2021. Khi ly hôn anh Tr đồng ý để chị L được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ và đồng ý đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 2.000.000 đồng/01 tháng

Về tài sản và công nợ chung: anh Tr cũng không không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Công Tr có địa chỉ tại thôn Đ, xã L, huyện Nh, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện Nh áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thùy L và anh Nguyễn Công Tr là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người chung sống với nhau và làm ăn tự do ngoài Hà Nội. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc trong thời gian

được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, va chạm, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Đến năm 2022 vợ chồng lại có va chạm mâu thuẫn nặng nên đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Bản thân anh Tr chỉ lên Tòa án làm việc một lần, có bản khai thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nặng, đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2022 đến nay và thể hiện rõ quan điểm đồng ý ly hôn với chị L. Sau đó dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Tr lại không lên Tòa án tham gia phiên hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh Tr không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thùy L và anh Nguyễn Công Tr đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thùy L, xử cho chị Nguyễn Thùy L được ly hôn với anh Nguyễn Công Tr là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thùy L và anh Nguyễn Công Tr có 01 con chung, là cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ sinh ngày 20/4/2021. Xét cả anh Tr và chị L đều là những người khỏe mạnh, là lao động tự do có thu nhập trung bình trên địa bàn xã L là 63.300.000 đồng/người/năm nên đều có đủ điều kiện nuôi con. Do cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, đồng thời khi ly hôn do anh Tr và chị L cùng có quan điểm đề nghị giao cho chị L được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ nên cần chấp nhận đề nghị này. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị L có yêu cầu và anh Tr cũng có quan điểm đồng ý đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 2.000.000 đồng/01 tháng là phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị L và anh Tr không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thùy L phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, anh Tr phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Nguyễn Thùy L được ly hôn với anh Nguyễn Công Tr.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ sinh ngày 20/4/2021 cho chị Nguyễn Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Công Tr có nghĩa vụ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thùy L phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện Nh theo biên lai số AA/2021/0003894, ngày 04/5/2023. Anh Nguyễn Công Tr phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện Nh;
- Chi cục THADS Nh;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Quốc